

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v: Ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh
Phạm Trường S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V
, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V , tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12
năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX - ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐXX - ST ngày 10 tháng 3 năm 2022
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị S**, sinh năm 1968;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, huyện V , tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn T , xã H , huyện V , tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Phạm Trường S**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H , huyện V , tỉnh Thái Bình

(Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2012, bản tự khai đề ngày 20 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị S trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trường S1 kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã H , huyện V , tỉnh Thái Bình vào ngày 27 tháng 02 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Anh S1 là người lười lao động, không biết chăm lo cho gia đình. Bản thân chị phải tự gánh vác kinh tế để trang trải cuộc sống gia đình. Ngoài ra, anh S1 còn hay mắng chửi, đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Đến tháng 8 năm 2012, chị không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên chị đã đưa con Phạm Lan Hương về nhà chị gái của chị sinh sống đến nay. Dù vậy, anh S1 vẫn gây sự và có những hành vi làm ảnh hưởng đến cuộc sống của mẹ con chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S1 không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S1 .

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh S1 Có 01 con chung là Phạm Lan H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh S1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện chị làm tạp vụ tại công ty cổ phần INECO HELD VINA ở TP Thái Bình, thu nhập khoảng 3.5 triệu đồng/tháng. Chị cùng cháu Lan H đang sinh sống ổn định tại nhà của chị ruột của chị tại địa chỉ thôn T , xã H , huyện V , tỉnh Thái Bình.

1.3 Về quan hệ tài sản: Chị và anh S1 đã tự thỏa thuận giải quyết về tài sản nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Chị và anh S1 không có khoản nợ chung nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản ghi lời khai của anh Phạm Trường S1 ngày 12 tháng 01 năm 2022, anh S1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh và chị S đúng như chị S đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, kinh tế trong gia đình không có sự thống nhất và do chị S hay nghe lời can thiệp

của gia đình chị. Từ cuối năm 2012, chị S đã đưa con về nhà chị ruột của chị S sinh sống ở thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, không còn quan tâm đến anh. Từ đó đến nay, anh S1 đã nhiều lần động viên chị S nhưng chị S kiên quyết không quay về. Nay chị S xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nhưng do anh đã rất mệt mỏi về việc tìm gọi chị S quay về nên nếu chị S cứ giữ nguyên quan điểm ly hôn, không về với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung như chị S đã trình bày. Nếu anh và chị S ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho chị S nuôi dưỡng con Phạm Lan Hương. Việc chị S không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh không có ý kiến phản đối gì.

Về tài sản: Anh S1 thống nhất với quan điểm của chị S: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng. Anh chị không có khoản nợ chung nào nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh S1 còn trình bày: Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, anh nhất trí. Về tài liệu, chứng cứ chị S giao nộp cho Tòa án, anh từ chối nhận. Do anh bận công việc và sức khỏe của anh không tốt nên anh không đến Tòa án làm việc. Anh đề nghị Tòa án gửi cho anh các văn bản tố tụng theo địa chỉ anh đang cư trú như chị S đã cung cấp cho Tòa án, anh đều nhận được nên không có khiếu nại, thắc mắc gì.

3. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị S chung sống tại gia đình anh S1 ở thôn Đ, xã H. Giữa chị S và anh S1 Có xảy ra mâu thuẫn đã nhiều năm nay. Tại địa phương, anh S1 không có công việc ổn định. Khoảng 5-6 năm trở lại đây, chị S đã đưa con về nhà chị gái của chị S sinh sống ở thôn T, xã H. Vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một nơi từ thời gian đó đến nay. Địa phương đã hòa giải, động viên chị S và anh S1 nhưng không có kết quả. Nay chị S khởi kiện xin ly hôn anh S1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị S vì hai bên không có khả năng đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Hiện cháu Phạm Lan H đang sinh sống cùng với chị S tại nhà chị gái của chị S ổn định. Đề nghị Tòa án xem xét giao cho chị S nuôi dưỡng cháu Hương vì anh S1 không có đủ khả năng để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H.

Về tài sản: Chị S và anh S1 có tạo dựng được nhà, đất và không có khoản vay nợ chung đối với tổ chức xã hội nào của địa phương. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai bên và theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Phạm Trường S1.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị S nuôi dưỡng con Phạm Lan H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Chị S không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

+ Quan hệ tài sản: Do chị S và anh S1 đều không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Trường S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2.Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Phạm Trường S1 đăng ký kết hôn tại UBND xã H , huyện V , tỉnh Thái Bình ngày 27 tháng 02 năm 2004 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã nhiều năm nhưng không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị S và anh S1 đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người một nơi, kinh tế độc lập, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Mặc dù anh S1 đã nhiều lần động viên chị S quay về nhưng chị S vẫn không thay đổi quyết định, anh chị cũng không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng nên anh S1 đồng ý ly hôn với chị S. Qua xác minh tại UBND xã H và lấy lời khai của anh S1 cũng thể hiện: Giữa chị S và anh S1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, địa phương đã hòa giải, động viên cả hai bên nhưng vợ chồng chị S, anh S1 không có khả năng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị S và anh S1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị S được ly hôn anh S1.

[2.2]Về con chung: Anh chị có 01 con chung, hiện con Phạm Lan H đang sống cùng chị S, do chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S có việc làm và thu nhập. Nguyên vọng của cháu Hương sau khi bố, mẹ ly hôn là cháu xin được ở với mẹ phù hợp với nguyện vọng của chị S và anh S1. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014, giao cho chị Lê Thị Strực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Lan H. Chị S không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]Về tài sản: Do anh S1 và chị S đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị S và anh S1 có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn khi cần thiết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Phạm Trường S1.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Lan H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2005. Không đặt ra giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Trường S1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị S, anh S1 có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị S đã nộp tại biên lai số 0000981 ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Lê Thị S và anh Phạm Trường S1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V ;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V ;
- Các đương sự;
- UBND xã H , huyện V , tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****Bùi Thị Thoan**

